

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027
TRƯỜNG THPT B DUY TIÊN**

(Kèm theo Quyết định số 28/QĐ-SGDĐT ngày 19/6/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
1	320001	ĐỖ BẢO AN	Nam	23/09/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.00	8.00	0.00	0.00	24.50	
2	320003	KIỀU PHƯƠNG AN	Nữ	08/07/2011	THCS B phường Tiên Sơn	6.75	7.00	7.30	0.00	0.00	21.05	
3	320005	NGUYỄN ĐỖ HẢI AN	Nam	19/05/2011	THCS Đồng Văn	8.25	7.75	6.20	0.00	0.00	22.20	
4	320006	NGUYỄN KHÁNH AN	Nam	17/06/2011	THCS Duy Minh	8.75	7.75	9.05	0.00	0.00	25.55	
5	320008	NGUYỄN THỊ NGÂN AN	Nữ	10/11/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	8.50	9.10	0.00	0.00	25.60	
6	320009	NGUYỄN THU AN	Nữ	01/05/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.00	8.25	8.15	0.00	0.00	24.40	
7	320010	NGUYỄN THÚY AN	Nữ	16/04/2011	THCS Duy Minh	8.25	7.75	5.50	0.00	0.00	21.50	
8	320013	BÙI THỊ LAN ANH	Nữ	25/11/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.25	7.25	0.00	0.00	24.00	
9	030003	BÙI TUẤN ANH	Nam	03/07/2011	THCS Bạch Thượng	9.00	8.25	9.40	0.00	0.00	26.65	
10	320014	BÙI TUẤN ANH	Nam	18/06/2011	THCS Bạch Thượng	7.00	8.00	7.00	0.00	0.50	22.50	
11	320015	BÙI VĂN ANH	Nữ	03/01/2011	THCS Yên Bắc	6.25	8.25	8.15	0.00	0.00	22.65	
12	320016	CHU HÀ ANH	Nữ	02/12/2011	THCS - THPT Mensa	8.00	8.50	8.15	0.00	0.00	24.65	

13	320017	DƯƠNG THỊ QUỲNH ANH	Nữ	15/03/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.75	7.75	6.70	0.00	0.00	22.20
14	320020	ĐOÀN QUỲNH ANH	Nữ	28/12/2011	THCS Đồng Văn	8.25	9.00	8.60	0.00	0.00	25.85
15	320021	ĐỖ VIỆT ANH	Nam	11/03/2010	THCS Đồng Văn	6.25	7.25	7.50	0.00	0.00	21.00
16	320022	HOÀNG HẢI ANH	Nam	04/06/2011	THCS Đồng Văn	8.75	8.75	8.15	0.00	0.00	25.65
17	320023	HOÀNG MINH ANH	Nữ	14/07/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.50	8.40	0.00	0.00	25.40
18	030141	LẠI VŨ LAN ANH	Nữ	03/05/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.25	8.50	9.30	0.00	0.00	26.05
19	320024	LÊ ĐÀM HÀ ANH	Nữ	18/01/2011	THCS Duy Minh	8.25	8.25	7.55	0.00	0.00	24.05
20	320025	LÊ HÀ ANH	Nữ	05/06/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.25	8.85	0.00	0.00	25.10
21	320026	LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	24/05/2011	THCS Duy Hải	7.75	9.00	8.95	0.00	0.00	25.70
22	320027	LÊ QUỲNH ANH	Nữ	14/02/2011	THCS Duy Hải	8.00	8.25	8.30	0.00	0.00	24.55
23	320028	LÊ QUỲNH ANH	Nữ	19/02/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	8.75	7.45	0.00	0.00	24.20
24	320029	LÊ TÁT VIỆT ANH	Nam	08/03/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.25	7.75	8.50	0.00	0.00	24.50
25	320031	LÊ THỊ KIỀU ANH	Nữ	07/04/2011	THCS Duy Hải	7.25	7.50	8.05	0.00	0.00	22.80
26	320033	NGÔ ĐỨC ANH	Nam	22/01/2011	THCS Bạch Thượng	7.00	7.50	6.25	0.00	0.00	20.75
27	320034	NGÔ VĂN VIỆT ANH	Nam	18/12/2011	THCS Đồng Văn	7.00	7.75	7.35	0.00	0.00	22.10
28	320035	NGUYỄN DIỆU ANH	Nữ	04/09/2011	THCS Duy Minh	7.50	7.75	6.60	0.00	0.00	21.85
29	320037	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	06/09/2011	THCS Duy Hải	7.50	8.75	6.80	0.00	0.00	23.05
30	320038	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	05/10/2011	THCS Đồng Văn	7.75	7.75	4.70	0.00	0.00	20.20
31	320039	NGUYỄN NGỌC KIM ANH	Nữ	19/01/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	9.00	9.40	0.00	0.00	26.90

32	320040	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	Nữ	18/01/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.00	6.45	0.00	0.00	22.45
33	320041	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	31/12/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	8.75	9.10	0.00	0.00	26.35
34	320043	NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	28/03/2011	THCS Duy Minh	7.00	6.50	7.80	0.00	0.00	21.30
35	320044	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	17/02/2011	THCS Duy Hải	8.25	7.25	7.40	0.00	0.00	22.90
36	320046	NGUYỄN TRẦN TUẤN ANH	Nam	28/01/2011	THCS Hoàng Đông	7.25	7.50	6.50	0.00	0.00	21.25
37	320047	NGUYỄN TỬ ANH	Nam	27/12/2011	THCS Duy Minh	8.00	7.25	6.75	0.00	0.00	22.00
38	320048	NGUYỄN TUỆ ANH	Nữ	10/03/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.50	8.85	0.00	0.00	25.85
39	320050	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	16/04/2011	THCS Yên Bắc	8.50	8.75	9.35	0.00	0.00	26.60
40	320051	PHAN HÀ ANH	Nữ	11/07/2011	THCS B phường Tiên Sơn	6.75	6.75	7.25	0.00	0.00	20.75
41	320056	TRẦN ĐẠI GIA ANH	Nam	27/10/2010	THCS Bạch Thượng	7.75	7.25	5.75	0.00	0.00	20.75
42	320057	TRẦN TUẤN ANH	Nam	13/10/2011	THCS Duy Hải	6.50	7.00	8.50	0.00	0.00	22.00
43	320061	VŨ NGỌC ANH	Nữ	12/05/2011	THCS Yên Bắc	8.00	8.25	5.80	0.00	0.00	22.05
44	320062	VŨ NGỌC QUỲNH ANH	Nữ	16/09/2011	THCS Duy Minh	7.25	7.50	5.25	0.00	0.00	20.00
45	320064	VŨ THỊ VĂN ANH	Nữ	25/06/2011	THCS Duy Minh	7.50	6.25	6.30	0.00	0.00	20.05
46	320067	NGUYỄN TRẦN MINH ANH	Nữ	11/09/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.00	6.50	0.00	0.00	23.00
47	320069	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	04/06/2011	THCS Hoàng Đông	6.00	8.50	6.05	0.00	0.00	20.55
48	320070	VŨ THỊ NGỌC ANH	Nữ	11/01/2011	THCS Đồng Văn	7.25	8.00	7.45	0.00	0.00	22.70
49	320072	LÊ NGỌC BÁCH	Nam	08/07/2011	THCS Duy Hải	7.50	8.25	9.05	0.00	0.00	24.80
50	320073	ĐÀM GIA BẢO	Nam	25/10/2011	THCS Duy Hải	8.25	6.25	8.55	0.00	0.00	23.05

51	320074	ĐẶNG GIA BẢO	Nam	28/05/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.75	8.60	0.00	0.00	25.85
52	320077	ĐỖ HOÀNG BẢO	Nam	15/11/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	7.50	8.55	0.00	0.00	24.55
53	320079	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	22/03/2011	THCS Đồng Văn	7.75	8.00	8.50	0.00	0.00	24.25
54	320080	NGUYỄN QUỐC BẢO	Nam	03/12/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.50	7.75	7.65	0.00	0.00	23.90
55	320082	NGUYỄN QUỐC BẢO	Nam	26/01/2011	THCS Duy Minh	7.75	6.25	6.10	0.00	0.00	20.10
56	320083	NGUYỄN TRẦN GIA BẢO	Nam	07/10/2011	THCS Đồng Văn	6.25	8.25	7.90	0.00	0.00	22.40
57	320086	TRẦN TIẾN BẢO	Nam	02/04/2011	THCS Yên Bắc	8.50	8.00	8.60	0.00	0.00	25.10
58	320087	TRƯƠNG QUỐC BẢO	Nam	31/10/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	7.75	8.40	0.00	0.00	24.65
59	320089	LÝ THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	25/02/2011	THCS Bạch Thượng	7.50	7.50	6.85	0.00	0.00	21.85
60	320090	NGUYỄN NGỌC BÍCH	Nữ	07/11/2011	THCS Duy Hải	6.25	7.75	6.80	1.00	0.00	21.80
61	320091	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	19/12/2011	THCS Bạch Thượng	7.75	8.25	6.45	0.00	0.00	22.45
62	320092	ĐÀO MAI THANH BÌNH	Nữ	08/10/2011	THCS Duy Minh	8.75	7.75	8.95	0.00	0.00	25.45
63	320094	NGUYỄN DUY BÌNH	Nam	11/10/2011	THCS Bạch Thượng	8.25	8.50	9.10	0.00	0.00	25.85
64	320095	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	Nam	19/12/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.25	8.65	0.00	0.00	25.40
65	320096	PHAN TUẤN BÌNH	Nam	22/04/2011	THCS Duy Minh	8.25	7.75	7.85	0.00	0.00	23.85
66	320097	TRẦN ĐỨC BÌNH	Nam	18/02/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.75	8.50	8.45	0.00	0.00	25.70
67	320098	TRẦN THUY BÌNH	Nữ	05/11/2011	THCS Đồng Văn	6.50	8.50	6.45	0.00	0.00	21.45
68	320099	VŨ QUỐC BÌNH	Nam	30/09/2011	THCS Duy Hải	8.75	9.00	8.75	0.00	0.00	26.50
69	320100	TRẦN THỊ THƯ CÁC	Nữ	11/05/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	9.00	8.65	0.00	0.00	25.65

70	320101	BACH PHONG CANH	Nam	27/05/2011	THCS Đồng Văn	6.25	7.75	6.20	0.00	0.00	20.20
71	320104	NGUYEN BAO CHAU	Nữ	28/02/2011	THCS Đồng Văn	8.00	9.00	6.80	0.00	0.00	23.80
72	320105	NGUYEN MINH CHAU	Nữ	24/05/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.50	6.85	0.00	0.00	23.85
73	320106	TRAN NGOC BAO CHAU	Nữ	04/04/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.50	8.85	0.00	0.00	25.85
74	320107	BUI KHANH CHI	Nữ	27/10/2011	THCS Bạch Thượng	6.00	8.25	7.35	0.00	0.00	21.60
75	320108	BUI PHAM LAN CHI	Nữ	08/07/2011	THCS B phường Tiên Sơn	6.75	8.25	7.35	0.00	0.00	22.35
76	320111	DINH PHAM QUYNH CHI	Nữ	31/03/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.00	8.50	5.85	0.00	0.00	22.35
77	030341	NGO KHANH CHI	Nữ	06/12/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.25	9.90	0.00	0.00	26.65
78	320113	NGUYEN LINH CHI	Nữ	03/03/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	8.50	7.65	0.00	0.00	24.15
79	030342	NGUYEN QUYNH CHI	Nữ	11/02/2011	THCS Duy Minh	9.00	7.50	9.80	0.00	0.00	26.30
80	320115	PHAM KHANH CHI	Nữ	24/11/2011	THCS Nguyễn Hữu Tiến	9.50	8.75	9.10	0.00	0.00	27.35
81	320117	LUNG NGOC KHANH CHI	Nữ	25/02/2011	THCS Yên Bắc	8.50	8.75	7.65	0.00	0.00	24.90
82	320119	NGUYEN THANH CHUC	Nữ	29/04/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	8.50	8.25	0.00	0.00	24.75
83	320125	TA THANH CONG	Nam	21/04/2011	THCS Duy Minh	7.50	7.00	6.00	0.00	0.00	20.50
84	320126	VU DUC CUONG	Nam	09/11/2011	THCS Hoàng Đông	7.25	8.00	5.85	0.00	0.00	21.10
85	320129	LE MAI NGOC DIEP	Nữ	25/08/2011	THCS Hoàng Đông	7.50	8.75	8.85	0.00	0.00	25.10
86	320130	LY NGOC DIEP	Nữ	07/10/2011	THCS Bạch Thượng	5.75	8.00	6.70	1.00	0.00	21.45
87	320131	NGUYEN HOANG NGOC DIEP	Nữ	11/03/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.50	7.80	0.00	0.00	24.80
88	320134	NGUYEN NGOC DIEP	Nữ	24/07/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.75	8.45	0.00	0.00	25.20

89	320132	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	01/02/2011	THCS Duy Minh	7.25	7.75	6.45	0.00	0.00	21.45
90	320133	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	04/07/2011	THCS Đồng Văn	6.25	8.25	6.20	0.00	0.00	20.70
91	320135	PHAN NGỌC DIỆP	Nữ	05/11/2011	THCS Đồng Văn	4.75	7.75	7.75	0.00	0.00	20.25
92	320136	NGUYỄN HOÀNG DIỆU	Nữ	06/10/2011	THCS Hoàng Đông	8.75	8.50	9.05	0.00	0.00	26.30
93	320137	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	07/10/2011	THCS Bạch Thượng	7.25	6.50	6.70	0.00	0.00	20.45
94	320138	KIỀU THU DỊU	Nữ	07/11/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	8.50	7.70	0.00	0.00	24.20
95	320139	LÊ MỸ DUNG	Nữ	24/09/2011	THCS Duy Hải	8.00	8.00	8.55	0.00	0.00	24.55
96	320140	BÙI TẤN DŨNG	Nam	05/12/2011	THCS Đồng Văn	6.25	8.25	7.65	0.00	0.00	22.15
97	320141	ĐÀO ANH DŨNG	Nam	03/07/2011	THCS Duy Minh	7.75	8.00	6.85	0.00	0.00	22.60
98	320144	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	03/01/2011	THCS Duy Minh	8.75	8.25	8.40	0.00	0.00	25.40
99	320145	NGUYỄN TUẤN DŨNG	Nam	14/06/2011	THCS Đồng Văn	7.00	8.75	4.85	0.00	0.00	20.60
100	320146	TÔ TIẾN DŨNG	Nam	04/10/2011	THCS Đồng Văn	8.00	7.50	6.30	0.00	0.00	21.80
101	320147	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	19/06/2011	THCS Đồng Văn	7.75	8.50	4.70	0.00	0.00	20.95
102	320148	NGUYỄN NGỌC DUY	Nam	04/07/2011	THCS Bạch Thượng	7.75	7.75	5.20	0.00	0.00	20.70
103	320149	NGUYỄN THÀNH DUY	Nam	03/01/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.50	7.25	6.60	0.00	0.00	21.35
104	320150	VŨ TIẾN DUY	Nam	05/01/2011	THCS Đồng Văn	8.00	7.50	7.80	0.00	0.00	23.30
105	320151	HOÀNG MỸ DUYÊN	Nữ	03/03/2011	THCS Đồng Văn	8.50	9.00	8.60	0.00	0.00	26.10
106	320153	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Nữ	25/02/2011	THCS Bạch Thượng	7.50	7.00	6.45	0.00	0.00	20.95
107	320154	CHU TRỌNG DƯƠNG	Nam	19/01/2011	THCS Yên Bắc	8.50	7.50	8.35	0.00	0.00	24.35

108	320155	DƯƠNG HOÀNG DƯƠNG	Nam	15/07/2011	THCS Duy Minh	7.75	7.25	5.25	0.00	0.00	20.25
109	320156	LÊ ĐĂNG DƯƠNG	Nam	31/10/2011	THCS Đồng Văn	7.50	8.25	7.55	0.00	0.00	23.30
110	320157	LÊ NGỌC DƯƠNG	Nam	09/04/2011	THCS Yên Bắc	8.25	8.25	7.65	0.00	0.00	24.15
111	320158	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	Nữ	08/09/2011	THCS Bạch Thượng	7.75	8.75	7.35	0.00	0.00	23.85
112	320162	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	Nữ	19/10/2011	THCS Hoàng Đông	8.75	9.00	9.65	0.00	0.00	27.40
113	320161	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	Nữ	10/07/2011	THCS Hoàng Đông	7.75	8.25	8.00	0.00	0.00	24.00
114	320160	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	Nữ	03/07/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	8.00	5.75	0.00	0.00	22.25
115	320163	PHẠM HOÀNG DƯƠNG	Nam	14/02/2011	THCS Duy Minh	8.50	7.50	8.25	0.00	0.00	24.25
116	320164	PHẠM THỦY DƯƠNG	Nữ	20/02/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.75	7.20	0.00	0.00	24.45
117	320165	PHAN TÙNG DƯƠNG	Nam	06/11/2011	THCS Duy Minh	8.00	7.75	7.35	0.00	0.00	23.10
118	320166	TÔ THỊ THỦY DƯƠNG	Nữ	23/09/2011	THCS Đồng Văn	6.00	8.00	5.60	1.00	0.00	20.60
119	320168	VŨ HOÀNG DƯƠNG	Nam	25/02/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.50	8.05	0.00	0.00	25.05
120	320171	BẠCH TIẾN ĐẠT	Nam	20/07/2011	THCS Đồng Văn	6.50	8.00	5.95	0.00	0.00	20.45
121	320173	ĐẶNG TIẾN ĐẠT	Nam	05/05/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.25	7.50	7.00	0.00	0.00	22.75
122	320178	VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	08/12/2011	THCS Đồng Văn	9.00	7.75	9.30	0.00	0.00	26.05
123	320181	VŨ TIẾN ĐOÀN	Nam	25/06/2011	THCS Duy Hải	7.50	7.25	5.85	0.00	0.00	20.60
124	320182	MAI NGỌC ĐÔNG	Nam	27/09/2011	THCS Hoàng Đông	7.00	7.75	5.85	0.00	0.00	20.60
125	320183	PHẠM VĂN ĐÔNG	Nam	04/04/2010	THCS B phường Tiên Sơn	8.75	8.50	7.05	0.00	0.00	24.30
126	320184	ĐÀM NGUYỄN ĐỨC	Nam	28/05/2011	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	7.50	7.25	7.40	0.00	0.00	22.15

127	320185	ĐẶNG VĂN ĐỨC	Nam	04/02/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.00	8.25	6.85	0.00	0.00	23.10
128	030822	NGUYỄN CẢNH ĐỨC	Nam	14/03/2011	THCS Nguyễn Hữu Tiên	8.00	9.00	6.10	0.00	0.00	23.10
129	320188	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	28/06/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.25	7.00	7.00	0.00	0.00	21.25
130	320191	TẠ LÊ ANH ĐỨC	Nam	30/09/2011	THCS Hoàng Đông	7.25	7.50	5.85	0.00	0.00	20.60
131	320192	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	10/05/2011	THCS Đồng Văn	9.00	8.00	7.10	0.00	0.00	24.10
132	320195	NGUYỄN HÀ GIANG	Nữ	02/08/2011	THCS Hoàng Đông	6.00	6.75	7.10	0.00	0.00	19.85
133	320196	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG GIANG	Nữ	18/09/2011	THCS Bạch Thượng	7.25	8.00	6.60	0.00	0.00	21.85
134	320197	NGUYỄN THỊ THU GIANG	Nữ	30/10/2011	THCS Duy Minh	7.25	8.00	7.05	0.00	0.00	22.30
135	320198	NGUYỄN TRÀ GIANG	Nữ	10/02/2011	THCS Hoàng Đông	9.25	9.00	8.50	0.00	0.00	26.75
136	320200	TRƯƠNG THỊ NGỌC GIANG	Nữ	31/08/2011	THCS Yên Bắc	8.50	7.25	8.85	0.00	0.00	24.60
137	320202	KIỀU THỊ HÀ	Nữ	28/06/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.25	8.40	0.00	0.00	25.15
138	320205	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	31/10/2011	THCS Bạch Thượng	5.50	8.75	7.20	0.00	0.00	21.45
139	320207	PHẠM THỊ THU HÀ	Nữ	03/02/2011	THCS Hoàng Đông	7.50	9.00	7.90	0.00	0.00	24.40
140	320208	VŨ KHÁNH HÀ	Nữ	18/06/2011	THCS Duy Hải	7.75	8.50	8.95	0.00	0.00	25.20
141	320209	VŨ NGỌC HÀ	Nữ	26/09/2011	THCS Duy Minh	7.00	7.25	6.80	0.00	0.00	21.05
142	320210	VŨ THỊ HỒNG HÀ	Nữ	30/03/2011	THCS Đồng Văn	7.75	9.00	6.45	0.00	0.00	23.20
143	320214	VŨ ĐỨC HẢI	Nam	16/07/2011	THCS Yên Bắc	7.75	7.00	7.30	0.00	0.00	22.05
144	320216	NGUYỄN QUANG HẠNH	Nam	06/04/2011	THCS Bạch Thượng	9.00	8.75	8.70	0.00	0.00	26.45

145	030176	NGUYỄN ĐẠNG MINH HẰNG	Nữ	26/04/2011	THCS Đồng Văn	7.75	8.75	7.45	0.00	0.00	23.95
146	320219	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	Nữ	07/10/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.00	8.25	7.30	0.00	0.00	23.55
147	320221	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	12/02/2011	THCS Bạch Thượng	8.25	7.75	6.40	0.00	0.00	22.40
148	320223	PHÙNG THỊ MỸ HẰNG	Nữ	09/01/2011	THCS Duy Minh	8.25	8.75	8.50	0.00	0.00	25.50
149	320224	VŨ THÚY HẰNG	Nữ	23/12/2011	THCS Hoàng Đông	8.25	9.00	8.20	0.00	0.00	25.45
150	320225	DƯƠNG NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	06/12/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.25	8.00	0.00	0.00	24.75
151	320226	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	13/06/2011	THCS B phường Tiên Sơn	6.50	7.75	8.00	0.00	0.00	22.25
152	030713	VŨ THỊ BẢO HÂN	Nữ	26/05/2011	THCS Duy Minh	8.25	8.00	8.45	0.00	0.00	24.70
153	320229	NGUYỄN THỊ HẬU	Nữ	18/02/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	8.00	8.45	0.00	0.00	24.95
154	320232	MAI THU HIỀN	Nữ	30/01/2011	THCS Đồng Văn	7.00	7.75	7.45	0.00	0.00	22.20
155	320234	PHẠM THỊ THANH HIỀN	Nữ	25/09/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.50	8.00	4.45	0.00	0.00	19.95
156	320233	PHẠM THỊ THANH HIỀN	Nữ	14/05/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.00	7.75	5.10	0.00	0.00	19.85
157	320235	NGÔ TIẾN HIỆP	Nam	03/07/2011	THCS Đồng Văn	8.25	9.25	8.25	0.00	0.00	25.75
158	320237	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	22/11/2011	THCS Duy Minh	8.00	8.00	7.40	0.00	0.00	23.40
159	030458	LÊ TRƯƠNG NGỌC HIẾU	Nam	04/04/2011	THCS Bạch Thượng	8.25	8.25	8.85	0.00	0.00	25.35
160	320238	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	Nam	19/11/2011	THCS Bạch Thượng	8.25	8.75	8.60	0.00	0.00	25.60
161	320242	TRƯƠNG NGỌC HIẾU	Nam	03/06/2011	THCS Đồng Văn	8.25	8.25	6.35	0.00	0.00	22.85
162	030181	BÙI THU HÒA	Nữ	10/07/2011	THCS Bạch Thượng	6.75	8.50	6.20	0.00	0.00	21.45
163	320247	PHẠM THỊ THANH HÒA	Nữ	25/08/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	8.50	7.70	0.00	0.00	24.20

164	320249	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	26/09/2011	THCS Đồng Văn	8.25	8.50	8.80	0.00	0.00	25.55
165	320248	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	01/08/2011	THCS Hoàng Đông	7.75	8.00	6.00	0.00	0.00	21.75
166	320252	NGUYỄN ĐỨC HOÀNH	Nam	01/03/2011	THCS Bạch Thượng	7.75	7.75	7.15	0.00	0.00	22.65
167	320253	TRẦN VĂN HỒ	Nam	21/08/2011	THCS Đồng Văn	5.00	8.25	7.35	0.00	0.00	20.60
168	320255	PHAN THỊ BÍCH HỒNG	Nữ	03/11/2010	THCS Bạch Thượng	7.50	8.00	6.60	0.00	0.00	22.10
169	030461	BÙI ĐỨC HÙNG	Nam	09/11/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.75	7.50	8.95	0.00	0.00	25.20
170	320256	DƯƠNG MẠNH HÙNG	Nam	04/05/2011	THCS Duy Minh	7.00	8.00	5.50	0.00	0.00	20.50
171	320258	BÙI GIA HUY	Nam	02/02/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.50	8.15	0.00	0.00	25.15
172	320260	DU VĨNH HUY	Nam	27/11/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.25	9.90	0.00	0.00	26.65
173	320261	LÊ GIA HUY	Nam	16/02/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.50	8.45	0.00	0.00	25.45
174	320263	NGUYỄN TRẦN HỮU HUY	Nam	24/04/2011	THCS Đồng Văn	7.50	7.00	6.60	0.00	0.00	21.10
175	320264	NGUYỄN VIỆT GIA HUY	Nam	23/11/2011	THCS B phường Tiên Sơn	9.50	8.25	8.00	0.00	0.00	25.75
176	320266	NGUYỄN VIỆT HUY	Nam	11/06/2011	THCS Đồng Văn	7.75	8.50	6.95	0.00	0.00	23.20
177	320265	NGUYỄN VIỆT HUY	Nam	05/04/2011	THCS B phường Tiên Sơn	6.00	7.00	7.45	0.00	0.00	20.45
178	320271	LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	17/07/2011	THCS Duy Minh	7.25	8.50	6.75	0.00	0.00	22.50
179	320273	NGUYỄN DIỆU HUYỀN	Nữ	22/06/2011	THCS Đồng Văn	7.75	8.50	4.85	0.00	0.00	21.10
180	320275	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	25/06/2011	THCS Duy Minh	7.50	8.25	8.35	0.00	0.00	24.10
181	320274	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	18/09/2011	THCS Bạch Thượng	7.50	7.75	4.60	0.00	0.00	19.85
182	320280	PHAN THANH HUYỀN	Nữ	16/08/2011	THCS Duy Minh	8.00	8.25	8.40	0.00	0.00	24.65

183	320281	PHAN THU HUYỀN	Nữ	29/05/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.25	9.10	0.00	0.00	25.85
184	030187	TẠ KHÁNH HUYỀN	Nữ	02/11/2011	THCS Hoàng Đông	8.75	8.50	8.75	0.00	0.00	26.00
185	320282	TRẦN KHÁNH HUYỀN	Nữ	27/12/2011	THCS - THPT Mensa	7.75	8.00	7.55	0.00	0.00	23.30
186	320283	VŨ NGỌC HUYỀN	Nữ	13/01/2011	THCS Hoàng Đông	8.75	9.00	7.65	0.00	0.00	25.40
187	320284	BẠCH MINH HÙNG	Nam	13/05/2011	THCS Đồng Văn	9.50	8.25	8.00	0.00	0.00	25.75
188	320286	PHẠM GIA HÙNG	Nam	04/09/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.50	8.00	0.00	0.00	25.00
189	320288	BÙI THỊ GIANG HƯƠNG	Nữ	12/04/2011	THCS Bạch Thượng	7.75	8.25	7.80	0.00	0.00	23.80
190	320290	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG	Nữ	10/08/2011	THCS Đồng Văn	6.50	9.00	7.00	0.00	0.00	22.50
191	320291	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	29/06/2011	THCS Bạch Thượng	6.50	7.50	6.45	0.00	0.00	20.45
192	320292	TẠ THU HƯƠNG	Nữ	18/03/2011	THCS Hoàng Đông	7.25	8.50	7.25	0.00	0.00	23.00
193	320293	TÔ THANH HƯƠNG	Nữ	16/12/2011	THCS Đồng Văn	8.25	8.50	8.05	0.00	0.00	24.80
194	320294	TRẦN THU HƯƠNG	Nữ	13/07/2011	THCS Duy Minh	7.75	6.75	6.70	0.00	0.00	21.20
195	320298	NGUYỄN AN KHANH	Nữ	30/12/2011	THCS Đồng Văn	8.00	7.25	5.60	0.00	0.00	20.85
196	320299	BÙI NHƯ NGỌC KHÁNH	Nữ	28/03/2010	THCS Bạch Thượng	7.50	7.00	5.60	0.00	0.00	20.10
197	320301	NGUYỄN HỮU KHÁNH	Nam	01/11/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	8.50	8.45	0.00	0.00	25.45
198	320304	PHẠM QUỐC KHÁNH	Nam	14/08/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	7.75	8.30	0.00	0.00	24.05
199	320307	TRƯƠNG NAM KHÁNH	Nam	19/05/2011	THCS Duy Minh	7.50	7.75	6.95	0.00	0.00	22.20
200	320312	TRƯƠNG ANH KHOA	Nam	23/09/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.50	8.50	6.20	0.00	0.00	23.20
201	320313	LÊ HỮU KHÔI	Nam	21/01/2011	THCS Yên Bắc	8.00	8.50	7.90	0.00	0.00	24.40

202	320317	BÙI TUẤN KIẾT	Nam	28/03/2011	THCS Bạch Thượng	7.75	7.25	6.45	0.00	0.00	21.45
203	320318	DƯƠNG THÊ KIẾT	Nam	16/07/2011	THCS Đồng Văn	7.75	6.75	7.55	0.00	0.00	22.05
204	320319	DƯƠNG TUẤN KIẾT	Nam	31/05/2011	THCS Duy Minh	8.25	8.00	6.10	0.00	0.00	22.35
205	320321	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	17/01/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.25	7.50	0.00	0.00	23.75
206	030634	PHẠM TUẤN KIẾT	Nam	01/02/2011	THCS Hoàng Đông	7.50	7.00	8.40	0.00	0.00	22.90
207	030062	TẠ QUYẾT HOÀNG LAM	Nam	26/06/2011	THCS Hoàng Đông	9.00	8.75	9.00	0.00	0.00	26.75
208	320334	LÂM THUY LINH	Nữ	25/05/2011	THCS - THPT Mensa	8.50	8.00	8.40	0.00	0.00	24.90
209	320335	LÊ PHẠM TRÚC LINH	Nữ	11/08/2011	THCS Đồng Văn	7.00	8.00	7.60	0.00	0.00	22.60
210	320336	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	03/06/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	8.25	6.10	0.00	0.00	22.35
211	320337	NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	20/06/2011	THCS Hoàng Đông	6.75	7.75	6.35	0.00	0.00	20.85
212	320338	NGUYỄN HOÀNG NGỌC LINH	Nữ	11/03/2011	THCS Duy Minh	8.25	8.50	8.80	0.00	0.00	25.55
213	320339	NGUYỄN HƯƠNG LINH	Nữ	04/09/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	8.00	6.45	0.00	0.00	22.45
214	030373	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	16/11/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.75	9.90	0.00	0.00	27.15
215	320340	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	28/03/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.00	8.25	6.30	0.00	0.00	22.55
216	320342	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	10/02/2011	THCS Đồng Văn	7.50	9.00	6.95	0.00	0.00	23.45
217	320344	NGUYỄN THỊ THUY LINH	Nữ	09/02/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.75	7.75	0.00	0.00	25.00
218	320346	PHẠM NGUYỄN THUY LINH	Nữ	12/05/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.00	8.00	7.30	0.00	0.00	23.30
219	320347	PHẠM PHƯƠNG LINH	Nữ	18/09/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.25	8.00	6.20	0.00	1.50	22.95
220	320349	PHẠM THỊ THUY LINH	Nữ	18/05/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.00	8.75	5.75	0.00	0.00	22.50

221	320350	PHAN GIA LINH	Nữ	20/01/2011	THCS Duy Minh	7.50	8.25	5.95	0.00	0.00	21.70
222	320351	PHAN THỊ HÀ LINH	Nữ	07/07/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.00	8.45	0.00	0.00	24.95
223	320352	TẠ THUY LINH	Nữ	31/07/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	8.00	6.35	0.00	0.00	22.35
224	320353	THẠCH PHƯƠNG LINH	Nữ	28/03/2011	THCS Yên Bắc	8.25	8.25	9.30	0.00	0.00	25.80
225	320354	TRẦN GIA LINH	Nữ	25/07/2011	THCS Duy Minh	8.50	7.25	9.20	0.00	0.00	24.95
226	320355	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	03/11/2011	THCS Đông Văn	8.00	8.00	8.05	0.00	0.00	24.05
227	320356	TRẦN NGUYỄN MAI LINH	Nữ	02/05/2011	THCS Duy Hải	6.50	7.00	8.35	0.00	0.00	21.85
228	320357	ỨNG PHƯƠNG LINH	Nữ	06/09/2011	THCS Yên Bắc	7.00	6.00	7.60	0.00	0.00	20.60
229	320358	VŨ GIA LINH	Nữ	20/02/2011	THCS Đông Văn	8.00	8.25	7.50	0.00	0.00	23.75
230	320359	VŨ KHÁNH LINH	Nữ	16/12/2011	THCS Hoàng Đông	7.75	7.25	6.50	0.00	0.00	21.50
231	320360	VŨ KHÁNH LINH	Nữ	02/05/2011	THCS Đông Văn	8.00	7.50	4.45	0.00	0.00	19.95
232	320361	VŨ PHƯƠNG LINH	Nữ	30/11/2011	THCS Duy Hải	8.00	7.75	9.20	0.00	0.00	24.95
233	320364	NGÔ HÙNG LONG	Nam	11/02/2011	THCS Hoàng Đông	7.75	9.00	8.55	0.00	0.00	25.30
234	320366	NGUYỄN GIA LONG	Nam	15/07/2011	THCS Duy Hải	7.75	8.25	6.65	0.00	0.00	22.65
235	320368	NGUYỄN HOÀNG PHI LONG	Nam	19/07/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	7.75	7.55	0.00	0.00	23.80
236	320371	TRƯƠNG HIẾU LONG	Nam	17/12/2011	THCS Duy Minh	7.75	7.50	7.35	0.00	0.00	22.60
237	320372	HOÀNG ĐỨC LỘC	Nam	29/12/2011	THCS Hoàng Đông	7.00	8.75	7.45	0.00	0.00	23.20
238	320373	NGÔ XUÂN LỘC	Nam	10/03/2011	THCS Bạch Thượng	7.25	7.50	5.95	0.00	0.00	20.70
239	320374	NGUYỄN BẢO LỘC	Nữ	10/04/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.50	8.00	5.60	0.00	0.00	21.10

240	320375	NGUYỄN THẾ MINH LỘC	Nam	18/08/2011	THCS Đồng Văn	6.75	8.75	7.60	0.00	0.00	23.10
241	030205	BÙI KHÁNH LY	Nữ	20/05/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.50	8.50	8.70	0.00	0.00	25.70
242	320381	NGUYỄN THỊ LY	Nữ	07/06/2011	THCS Bạch Thượng	7.50	8.25	4.85	0.00	0.00	20.60
243	320382	NGUYỄN THỊ DIỆU LY	Nữ	30/07/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	7.75	7.10	0.00	0.00	22.85
244	030742	TẠ KHÁNH LY	Nữ	05/05/2011	THCS Nguyễn Hữu Tiến	8.75	8.50	8.70	0.00	0.00	25.95
245	320384	TRẦN THỊ CẨM LY	Nữ	13/01/2011	THCS B phường Tiên Sơn	9.00	8.50	5.80	0.00	0.00	23.30
246	320385	TRƯƠNG KHÁNH LY	Nữ	12/07/2011	THCS Yên Bắc	7.00	8.00	5.20	0.00	0.00	20.20
247	320386	BÙI NGỌC MAI	Nữ	17/08/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.75	8.85	0.00	0.00	26.10
248	320389	NGUYỄN THANH MAI	Nữ	25/02/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	8.25	6.50	0.00	0.00	22.75
249	320390	PHẠM PHƯƠNG MAI	Nữ	27/11/2011	THCS Đồng Văn	7.50	8.75	8.00	0.00	0.00	24.25
250	320391	PHẠM XUÂN MAI	Nữ	18/03/2011	THCS Đồng Văn	5.75	8.75	6.05	0.00	0.00	20.55
251	320394	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	05/02/2011	THCS Đồng Văn	6.50	8.50	7.25	0.00	0.00	22.25
252	320398	ĐÀO TÁT TIỀN MINH	Nam	19/10/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.25	8.45	0.00	0.00	25.20
253	320399	ĐỖ TIỀN MINH	Nam	23/04/2011	THCS Duy Hải	8.50	8.25	8.95	0.00	0.00	25.70
254	320400	LÊ THẢO MINH	Nữ	28/11/2011	THCS Duy Hải	8.50	8.75	8.80	0.00	0.00	26.05
255	320401	NGUYỄN BẢO MINH	Nam	07/11/2011	THCS Đồng Văn	7.00	8.00	6.45	0.00	0.00	21.45
256	320402	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	05/09/2011	THCS Đồng Văn	8.25	8.75	8.75	0.00	0.00	25.75
257	320403	NGUYỄN HỒNG MINH	Nữ	13/03/2011	THCS Duy Hải	8.00	8.50	8.15	0.00	0.00	24.65
258	320407	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	26/09/2011	THCS Duy Minh	7.00	7.50	5.75	0.00	0.00	20.25

259	320409	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	03/09/2011	THCS Đồng Văn	9.00	8.50	8.65	0.00	0.00	26.15
260	320410	PHẠM BÌNH MINH	Nam	16/08/2011	THCS Đồng Văn	7.75	8.50	9.45	0.00	0.00	25.70
261	320411	PHẠM NGUYỄN TUỆ MINH	Nữ	09/02/2011	THCS Duy Minh	8.25	8.25	8.80	0.00	0.00	25.30
262	320414	TRẦN NGỌC MINH	Nữ	10/07/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.50	8.50	9.30	0.00	0.00	26.30
263	320415	TRẦN QUANG MINH	Nam	25/10/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.50	7.30	0.00	0.00	23.80
264	320416	BÙI THỊ TRÀ MY	Nữ	30/10/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.00	7.05	0.00	0.00	23.55
265	320418	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	06/08/2011	THCS Duy Minh	7.25	8.50	5.95	0.00	0.00	21.70
266	320419	NGUYỄN THỊ HÀ MY	Nữ	02/04/2011	THCS B phường Tiên Sơn	6.75	7.25	5.95	0.00	0.00	19.95
267	320421	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	15/04/2011	THCS Duy Hải	7.75	8.00	6.15	0.00	0.00	21.90
268	320423	PHẠM TRÀ MY	Nữ	20/10/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.00	8.75	8.25	0.00	0.00	25.00
269	320424	PHAN HOÀNG MY	Nữ	22/05/2011	THCS Đồng Văn	6.50	8.50	6.90	0.00	0.00	21.90
270	320425	BÙI BẢO NAM	Nam	02/01/2011	Tiểu học, THCS và THPT FPT Hà Nam	8.50	7.50	8.70	0.00	0.00	24.70
271	320426	ĐỖ NHẬT NAM	Nam	03/05/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.00	7.00	7.70	0.00	0.00	22.70
272	320427	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	02/04/2011	THCS Đồng Văn	6.00	7.75	7.55	0.00	0.00	21.30
273	320429	TRẦN ĐỖ BẢO NAM	Nam	07/05/2011	THCS Đồng Văn	7.00	8.75	5.95	0.00	0.00	21.70
274	320431	LÊ NGUYỆT NGA	Nữ	31/03/2011	THCS Đồng Văn	6.25	8.50	6.80	0.00	0.00	21.55
275	320432	NGÔ THỊ QUỲNH NGA	Nữ	21/06/2011	THCS Đồng Văn	6.25	7.75	6.35	0.00	0.00	20.35
276	030388	NGUYỄN PHƯƠNG NGA	Nữ	26/05/2011	THCS Hoàng Đông	9.00	8.50	9.80	0.00	0.00	27.30

277	320433	NGUYỄN THU NGA	Nữ	05/03/2011	THCS Hoàng Đông	7.75	8.25	6.00	0.00	0.00	22.00
278	320434	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	10/03/2011	THCS Bạch Thượng	7.50	8.25	5.25	0.00	0.00	21.00
279	320436	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	14/12/2011	THCS Duy Hải	7.75	7.25	7.10	0.00	0.00	22.10
280	320438	HOÀNG MẠNH NGHĨA	Nam	26/02/2011	THCS Hoàng Đông	7.50	8.00	7.35	0.00	0.00	22.85
281	320439	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Nam	10/01/2011	THCS Duy Minh	9.00	8.00	8.10	0.00	0.00	25.10
282	320440	TRẦN TUẤN NGHĨA	Nam	03/10/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.50	8.95	0.00	0.00	25.95
283	320442	BÙI THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	11/08/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	8.50	5.70	0.00	0.00	22.20
284	320443	BÙI THỊ TUYẾT NGỌC	Nữ	28/03/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	7.75	5.65	0.00	0.00	21.40
285	320445	ĐỖ MINH NGỌC	Nữ	18/04/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	8.50	7.55	0.00	0.00	24.55
286	320447	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	13/10/2011	THCS Duy Hải	8.25	8.75	9.05	0.00	0.00	26.05
287	320448	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	24/04/2011	THCS Hoàng Đông	7.25	7.50	8.10	0.00	0.00	22.85
288	320450	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	05/10/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.50	8.85	0.00	0.00	25.85
289	320449	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	13/08/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	8.75	8.45	0.00	0.00	25.70
290	320452	VŨ BẢO NGỌC	Nữ	07/07/2011	THCS Đồng Văn	6.75	8.75	6.60	0.00	0.00	22.10
291	320453	VŨ THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	19/05/2011	THCS Duy Hải	9.50	9.00	9.30	0.00	0.00	27.80
292	320455	NGUYỄN HÀ THẢO NGUYỄN	Nữ	19/01/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.25	8.25	7.30	0.00	0.00	23.80
293	320459	TRẦN THANH NHÀN	Nữ	24/01/2011	THCS Hoàng Đông	5.50	7.50	6.95	0.00	0.00	19.95
294	320460	DƯƠNG TUẤN NHẬT	Nam	04/01/2011	THCS Duy Minh	8.25	7.25	7.25	0.00	0.00	22.75
295	320462	LÊ KHẮC MINH NHẬT	Nam	19/02/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	8.50	8.45	0.00	0.00	24.95

296	320465	NGUYỄN GIA NHI	Nữ	18/08/2011	THCS Đồng Văn	7.75	8.25	7.80	0.00	0.00	23.80
297	320468	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	07/01/2011	THCS Bạch Thượng	8.25	7.00	8.40	0.00	0.00	23.65
298	320471	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	01/12/2011	THCS Hoàng Đông	7.75	8.50	7.30	0.00	0.00	23.55
299	320472	PHẠM PHƯƠNG NHI	Nữ	02/05/2011	THCS B phường Tiên Sơn	9.00	7.75	8.50	0.00	0.00	25.25
300	320474	PHẠM YẾN NHI	Nữ	30/05/2011	THCS Hoàng Đông	6.75	8.00	7.10	0.00	0.00	21.85
301	320475	THẠCH YẾN NHI	Nữ	23/07/2011	THCS Yên Bắc	8.00	7.75	8.60	0.00	0.00	24.35
302	030761	TRẦN TUYẾT NHI	Nữ	12/01/2011	THCS Nguyễn Hữu Tiến	8.00	8.50	8.50	0.00	0.00	25.00
303	320477	TRƯƠNG YẾN NHI	Nữ	09/06/2011	THCS Duy Minh	7.75	8.00	7.15	0.00	0.00	22.90
304	320479	VŨ THỊ NGỌC NHUNG	Nữ	02/01/2011	THCS Duy Hải	7.50	7.75	7.20	0.00	0.00	22.45
305	320480	BẠCH ĐỨC PHÁT	Nam	02/02/2011	THCS Đồng Văn	8.00	7.50	6.45	0.00	0.00	21.95
306	320481	NGUYỄN TUẤN PHÁT	Nam	05/04/2011	THCS Hoàng Đông	7.75	8.00	8.25	0.00	0.00	24.00
307	320484	NGUYỄN THIÊN PHÚ	Nam	14/10/2011	THCS Đồng Văn	9.50	8.25	8.70	0.00	0.00	26.45
308	320488	CHU VĂN PHƯỚC	Nam	05/03/2011	THCS Đồng Văn	7.00	7.50	6.60	0.00	0.00	21.10
309	320489	LÊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	08/02/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.25	7.75	7.50	0.00	0.00	22.50
310	320492	PHẠM DƯƠNG BÍCH PHƯƠNG	Nữ	23/11/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.00	7.75	5.45	0.00	0.00	20.20
311	320496	VŨ MINH PHƯƠNG	Nữ	15/01/2011	THCS Duy Hải	7.75	7.50	9.55	0.00	0.00	24.80
312	320498	NGUYỄN ĐỨC MINH QUANG	Nam	22/05/2011	THCS Bạch Thượng	7.25	7.50	6.50	0.00	0.00	21.25
313	320499	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	15/01/2011	THCS Duy Hải	8.00	7.25	8.30	0.00	0.00	23.55
314	320501	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	19/12/2011	THCS Bạch Thượng	6.50	8.00	8.55	0.00	0.00	23.05

315	320500	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	08/11/2011	THCS B phường Tiên Sơn	6.00	8.50	6.10	0.00	0.00	20.60
316	320502	TRẦN MINH QUANG	Nam	17/05/2011	THCS Đồng Văn	7.75	8.75	7.45	0.00	0.00	23.95
317	320503	VŨ VĂN QUANG	Nam	24/08/2011	THCS Duy Hải	8.00	8.50	8.00	0.00	0.00	24.50
318	320510	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	06/05/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.00	7.30	0.00	0.00	23.80
319	320509	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	26/05/2011	THCS Hoàng Đông	6.75	8.50	6.70	0.00	0.00	21.95
320	320512	TRẦN ANH QUÂN	Nam	05/06/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.50	8.95	0.00	0.00	25.95
321	320515	NGUYỄN BẢO QUỐC	Nam	17/11/2011	THCS Duy Minh	6.75	7.00	6.25	0.00	0.00	20.00
322	320518	LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	04/10/2011	THCS Duy Minh	7.00	7.25	6.10	0.00	0.00	20.35
323	320520	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	18/10/2011	THCS Nguyễn Hữu Tiến	8.25	9.00	8.95	0.00	0.00	26.20
324	320521	NGUYỄN THỊ CHÚC QUỲNH	Nữ	12/09/2011	THCS Bạch Thượng	7.50	8.75	7.20	0.00	0.00	23.45
325	320522	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	30/01/2011	THCS Thiên Trường	8.00	8.75	8.35	0.00	0.00	25.10
326	320523	PHẠM TIÊN SANG	Nam	03/08/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	8.00	8.20	0.00	0.00	24.70
327	320525	NGUYỄN HỮU SỎI	Nam	15/08/2011	THCS Bạch Thượng	8.00	7.00	5.30	0.00	0.00	20.30
328	030105	VŨ TRƯỜNG SƠN	Nam	04/03/2011	THCS Duy Minh	7.50	7.25	7.20	0.00	0.00	21.95
329	320527	ĐỖ MẠNH SỨC	Nam	08/07/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.50	8.95	0.00	0.00	25.95
330	030106	LÊ XUÂN TÀI	Nam	02/05/2011	THCS Đồng Văn	9.50	8.75	8.25	0.00	0.00	26.50
331	320528	NGUYỄN ĐỨC TÀI	Nam	04/09/2011	THCS Đồng Văn	8.00	7.50	7.70	0.00	0.00	23.20
332	320529	NGUYỄN TIẾN TÀI	Nam	23/10/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	9.25	7.70	0.00	0.00	24.95
333	030775	LÊ THỊ THANH TÂM	Nữ	16/04/2011	THCS Đồng Văn	8.25	8.50	8.20	0.00	0.00	24.95

334	030243	VŨ NGỌC THANH TÂM	Nữ	24/06/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.25	8.75	0.00	0.00	25.50
335	320534	PHẠM NGỌC THẠCH	Nam	28/03/2011	THCS Yên Bắc	7.75	7.75	8.60	0.00	0.00	24.10
336	320535	PHAN DUY THÁI	Nam	01/01/2011	THCS Duy Minh	8.25	7.50	6.40	0.00	0.00	22.15
337	320538	TRƯƠNG HUYỀN THANH	Nữ	10/06/2011	THCS Bạch Thượng	7.50	7.25	6.45	1.00	0.00	22.20
338	030777	VŨ ĐẶNG XUÂN THANH	Nữ	06/11/2011	THCS Nguyễn Hữu Tiến	9.25	8.25	7.90	0.00	0.00	25.40
339	320541	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	10/02/2011	THCS Đồng Văn	8.25	7.50	7.20	0.00	0.00	22.95
340	320542	TRẦN ĐẮC THÀNH	Nam	09/08/2011	THCS Đồng Văn	7.25	8.50	8.45	0.00	0.00	24.20
341	320543	VŨ ĐỨC THÀNH	Nam	10/07/2011	THCS Yên Bắc	8.50	8.75	9.30	0.00	0.00	26.55
342	320544	VŨ MINH THÀNH	Nam	15/12/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	8.00	4.75	0.00	0.00	20.75
343	320546	ĐÀM MINH THẢO	Nam	22/10/2011	THCS Duy Minh	8.50	7.75	7.55	0.00	0.00	23.80
344	320547	ĐÀM PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/07/2011	THCS Duy Hải	7.25	8.50	8.85	0.00	0.00	24.60
345	320548	ĐÀO PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/09/2011	THCS B phường Tiên Sơn	6.00	8.50	7.90	0.00	0.00	22.40
346	320549	ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/06/2011	THCS Duy Minh	8.00	7.75	5.60	0.00	0.00	21.35
347	320550	LÊ THỊ THẢO	Nữ	19/05/2011	THCS Duy Hải	7.50	8.00	5.70	1.00	0.00	22.20
348	320551	LÝ DIỆU THẢO	Nữ	27/02/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	7.75	8.25	0.00	0.00	24.00
349	320553	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/02/2011	THCS Duy Minh	8.00	7.75	5.00	0.00	0.00	20.75
350	320554	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	03/11/2011	THCS Duy Hải	8.00	7.25	7.25	0.00	0.00	22.50
351	320555	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	19/03/2011	THCS Bạch Thượng	7.25	8.25	4.65	0.00	0.00	20.15
352	320556	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/08/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	8.25	7.80	0.00	0.00	24.05

353	320559	KIỀU ĐỨC THẮNG	Nam	20/03/2011	THCS Duy Minh	9.00	8.50	9.45	0.00	0.00	26.95
354	320562	NGUYỄN VIỆT THẮNG	Nam	14/06/2011	THCS Bạch Thượng	7.75	6.50	6.30	0.00	0.00	20.55
355	320567	HOÀNG ĐỨC THIỆN	Nam	13/02/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	8.50	8.35	0.00	0.00	24.85
356	320568	NGUYỄN CAO MINH THIỆN	Nam	29/01/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	7.75	8.85	0.00	0.00	24.60
357	320570	ỨNG ĐỨC THIỆN	Nam	26/08/2011	THCS Đồng Văn	8.00	9.00	5.10	0.00	0.00	22.10
358	320571	VŨ QUANG THIỆN	Nam	07/03/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.75	6.90	0.00	0.00	24.15
359	320572	BÙI HÙNG THỊNH	Nam	12/09/2011	THCS Bạch Thượng	7.75	6.50	5.75	0.00	0.00	20.00
360	320574	ĐÀO PHÚC THỊNH	Nam	13/04/2011	THCS Duy Minh	8.50	7.75	8.60	0.00	0.00	24.85
361	320575	NGUYỄN MINH THUẬN	Nam	10/09/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.50	8.75	4.75	1.00	0.00	22.00
362	320578	NGUYỄN MINH THỦY	Nữ	06/10/2011	THCS Đồng Văn	7.50	8.50	5.60	0.00	0.00	21.60
363	320579	BÙI THỊ THANH THỦY	Nữ	08/11/2011	THCS Bạch Thượng	5.50	8.50	7.55	0.00	0.00	21.55
364	320580	LÊ THỊ THANH THỦY	Nữ	14/01/2011	THCS Hoàng Đông	7.50	9.00	7.30	0.00	0.00	23.80
365	320581	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	15/07/2011	THCS Đồng Văn	7.50	8.00	5.75	0.00	0.00	21.25
366	320582	NGUYỄN PHƯƠNG THỦY	Nữ	17/05/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	9.00	7.80	0.00	0.00	24.80
367	320583	HOÀNG VŨ ANH THƯ	Nữ	01/06/2011	THCS Hoàng Đông	7.50	8.25	6.45	0.00	0.00	22.20
368	320584	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	21/08/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.25	7.75	6.30	0.00	0.00	21.30
369	320585	NGUYỄN HUYỀN ANH THƯ	Nữ	20/01/2011	THCS Duy Minh	8.75	9.00	8.45	0.00	0.00	26.20
370	320586	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	21/10/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.00	8.70	0.00	0.00	25.20
371	030259	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	Nữ	05/09/2011	THCS Nguyễn Hữu Tiến	9.50	9.00	8.35	1.00	0.00	27.85

372	320587	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	21/11/2011	THCS Đồng Văn	6.50	7.50	5.85	0.00	0.00	19.85
373	320589	TỔNG THỊ MINH THƯƠNG	Nữ	28/10/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	8.75	6.30	0.00	0.00	23.55
374	320591	BẠCH QUYẾT TIẾN	Nam	24/11/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.25	7.90	0.00	0.00	24.15
375	320592	ĐỖ QUYẾT TIẾN	Nam	07/03/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.50	4.85	0.00	0.00	21.35
376	030115	PHẠM QUYẾT TIẾN	Nam	25/02/2011	THCS B phường Tiên Sơn	9.25	7.75	9.10	0.00	0.00	26.10
377	320596	NGUYỄN XUÂN TOÀN	Nam	05/03/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.75	7.10	0.00	0.00	23.85
378	320598	ĐẶNG THU TRANG	Nữ	18/07/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.25	8.00	8.95	0.00	0.00	25.20
379	320601	KIỀU THỊ THU TRANG	Nữ	30/03/2011	THCS Duy Minh	7.75	8.00	8.05	0.00	0.00	23.80
380	320602	LÊ HUYỀN TRANG	Nữ	28/02/2011	THCS Duy Hải	7.50	8.00	6.05	0.00	0.00	21.55
381	320604	NGUYỄN LINH BẢO TRANG	Nữ	09/03/2011	THCS Duy Hải	7.50	9.00	8.95	0.00	0.00	25.45
382	320605	NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	Nữ	07/10/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	9.00	5.05	0.00	0.00	22.55
383	320609	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	Nữ	22/02/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	8.50	8.00	0.00	0.00	24.50
384	320610	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	Nữ	05/04/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.25	8.25	6.90	0.00	0.00	22.40
385	320612	NGUYỄN TRẦN BẢO TRANG	Nữ	30/06/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.50	8.50	0.00	0.00	25.00
386	320614	TRẦN THẢO TRANG	Nữ	15/11/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.25	5.85	0.00	0.00	22.10
387	320615	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	23/03/2011	THCS Duy Hải	7.75	7.50	8.35	0.00	0.00	23.60
388	320617	VŨ THỊ THU TRANG	Nữ	02/07/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.50	6.20	0.00	0.00	23.20
389	320618	TRẦN BẢO TRẦN	Nữ	06/12/2011	THCS B phường Tiên Sơn	7.25	8.50	8.80	0.00	0.00	24.55
390	320619	LÊ MẠNH TRÍ	Nam	24/10/2011	THCS Duy Hải	8.00	7.50	7.55	1.00	0.00	24.05

391	320622	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Nam	22/05/2011	THCS Bạch Thượng	8.50	8.25	8.45	0.00	0.00	25.20
392	320623	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Nam	04/03/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.25	7.80	0.00	0.00	24.55
393	320624	TRẦN QUANG TRỌNG	Nam	03/06/2011	THCS Bạch Thượng	5.50	6.25	8.30	0.00	0.00	20.05
394	320625	ĐINH THỊ THANH TRÚC	Nữ	01/01/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.00	8.25	7.45	0.00	0.00	23.70
395	030948	NGUYỄN HOÀNG THANH TRÚC	Nữ	10/06/2011	THCS Duy Minh	8.00	6.75	8.80	0.00	0.00	23.55
396	320628	NGUYỄN NGỌC TRUNG	Nam	28/08/2011	THCS Đồng Văn	7.50	7.75	4.60	0.00	0.00	19.85
397	320629	NGUYỄN QUỐC TRUNG	Nam	20/07/2011	THCS Bạch Thượng	6.25	7.25	7.80	0.00	0.00	21.30
398	320632	VŨ VĂN TRUNG	Nam	16/04/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	8.25	8.65	0.00	0.00	25.40
399	320634	LÊ XUÂN TRƯỜNG	Nam	10/02/2011	THCS Duy Hải	7.75	7.25	5.50	0.00	0.00	20.50
400	320635	NGÔ QUỐC TRƯỜNG	Nam	02/10/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	7.50	6.70	0.00	0.00	22.70
401	320637	NGUYỄN TẤN TRƯỜNG	Nam	24/12/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	7.75	7.60	0.00	0.00	23.35
402	320639	HÀ THANH TÚ	Nữ	08/12/2011	THCS Duy Minh	8.50	8.50	8.70	0.00	0.00	25.70
403	320640	LÊ VĂN TÚ	Nam	25/09/2011	THCS Duy Hải	8.25	7.25	4.50	0.00	0.00	20.00
404	320643	NGUYỄN HUY TUẤN	Nam	13/05/2011	THCS Duy Minh	9.00	7.50	7.45	0.00	0.00	23.95
405	320647	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	23/01/2011	THCS Hoàng Đông	7.75	8.00	7.25	0.00	0.00	23.00
406	320648	TRẦN MINH TUẤN	Nam	29/05/2011	THCS Duy Hải	8.75	8.75	8.60	0.00	0.00	26.10
407	320649	BÙI TRÍ TUỆ	Nam	19/08/2011	THCS B phường Tiên Sơn	8.50	8.50	6.05	0.00	0.00	23.05
408	320650	NGUYỄN HỮU TUỆ	Nam	11/09/2011	THCS B phường Tiên Sơn	6.50	6.25	8.35	0.00	0.00	21.10

409	320653	NGUYỄN XUÂN TÙNG	Nam	01/10/2011	THCS Đồng Văn	6.75	8.00	5.95	0.00	0.00	20.70
410	320656	NGUYỄN GIA TƯỜNG	Nam	25/07/2011	THCS Đồng Văn	8.50	8.00	7.55	0.00	0.00	24.05
411	320661	ĐÀM HUY VIỆT	Nam	07/06/2011	THCS Đồng Văn	8.50	7.50	4.25	0.00	0.00	20.25
412	320663	ĐINH QUANG VINH	Nam	31/01/2011	THCS B phường Tiên Sơn	9.50	7.75	7.40	0.00	0.00	24.65
413	320664	HOÀNG HẢI VINH	Nam	05/04/2011	THCS Hoàng Đông	5.75	7.50	7.00	0.00	0.00	20.25
414	320665	PHẠM THẾ VINH	Nam	15/09/2010	THCS Bạch Thượng	7.25	7.75	6.25	0.00	0.00	21.25
415	320667	CAO MINH VŨ	Nam	20/09/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.50	5.45	0.00	0.00	21.95
416	320670	NGUYỄN THẾ VŨ	Nam	10/06/2011	THCS Hoàng Đông	7.50	7.25	7.80	0.00	0.00	22.55
417	320671	NGUYỄN XUÂN VŨ	Nam	30/01/2011	THCS Hoàng Đông	9.00	8.25	6.95	0.00	0.00	24.20
418	320672	VŨ LÂM VŨ	Nam	12/12/2011	THCS Đồng Văn	8.25	8.00	7.05	0.00	0.00	23.30
419	320673	PHAN HẢI VƯỢNG	Nam	05/01/2011	THCS Đồng Văn	9.50	9.25	8.35	0.00	0.00	27.10
420	320674	BẠCH YẾN VY	Nữ	02/03/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	9.00	6.70	0.00	0.00	24.20
421	320678	HOÀNG ANH VY	Nữ	19/08/2011	THCS Hoàng Đông	9.00	8.50	8.80	0.00	0.00	26.30
422	030130	LÊ TRẦN PHƯƠNG VY	Nữ	28/07/2011	THCS Duy Minh	9.50	7.75	8.50	0.00	0.00	25.75
423	320680	NGÔ PHƯƠNG VY	Nữ	02/12/2011	Tiểu học, THCS và THPT FPT Hà Nam	7.25	7.75	8.05	0.00	0.00	23.05
424	320681	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	Nữ	12/10/2011	THCS Hoàng Đông	7.25	7.50	5.60	0.00	0.00	20.35
425	320683	TẠ HÀ VY	Nữ	27/06/2011	THCS Hoàng Đông	6.50	8.00	5.35	0.00	0.00	19.85
426	320684	TRẦN THẢO VY	Nữ	11/10/2011	THCS Đồng Văn	7.75	8.25	6.95	0.00	0.00	22.95

427	320685	TRẦN THỊ HẠ VY	Nữ	18/09/2011	THCS Đồng Văn	8.00	8.00	6.00	0.00	0.00	22.00
428	320686	VŨ KHÁNH VY	Nữ	19/07/2011	THCS Duy Hải	9.50	9.00	9.55	0.00	0.00	28.05
429	320687	VŨ NGỌC HÀ VY	Nữ	27/08/2011	THCS Duy Hải	7.50	8.00	6.05	0.00	0.00	21.55
430	320691	ĐÀO NHƯ Ý	Nữ	10/05/2011	THCS Đồng Văn	7.50	8.50	7.55	0.00	0.00	23.55
431	320692	CAO HẢI YẾN	Nữ	23/10/2011	THCS Hoàng Đông	6.50	8.25	8.15	0.00	0.00	22.90
432	320694	ĐỖ HẢI YẾN	Nữ	10/10/2011	THCS Hoàng Đông	8.50	8.00	8.35	0.00	0.00	24.85
433	320695	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	09/11/2011	THCS Hoàng Đông	9.00	8.25	7.85	0.00	0.00	25.10
434	320697	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	26/10/2011	THCS Hoàng Đông	7.75	8.50	8.15	0.00	0.00	24.40

Danh sách này gồm 434 học sinh được công nhận trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027 theo điểm xét tuyển, có điểm xét tuyển từ 19.85 trở lên và bảo đảm các điều kiện, tiêu chí khác theo quy định.

Danh sách này gồm 25 trang./.

KT. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT
B DUY TIÊN



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thành Công

PHÒNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC

ngoban
Ngô Khắc Vũ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
BÙI VĂN KHIẾT

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027
TRƯỜNG THPT B DUY TIÊN**

(Kèm theo Quyết định số ~~167~~ 167/QĐ-SGDĐT ngày 19/6/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
1	320053	PHAN PHƯƠNG ANH	Nữ	11/07/2011	THCS B phường Tiên Sơn	6.50	6.75	6.55	0.00	0.00	19.80	
2	320159	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	Nam	29/05/2011	THCS Hoàng Đông	8.00	4.75	7.00	0.00	0.00	19.75	
3	320322	ĐINH NGỌC LAN	Nữ	14/03/2011	THCS Bạch Thượng	6.75	7.00	6.00	0.00	0.00	19.75	
4	320573	CHU ĐỨC THỊNH	Nam	25/10/2011	THCS Đồng Văn	4.25	8.50	7.00	0.00	0.00	19.75	

Danh sách này gồm 04 học sinh được công nhận trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027 theo điểm xét tuyển, có điểm xét tuyển từ 19.75 trở lên và bảo đảm các điều kiện, tiêu chí khác theo quy định.

Danh sách này gồm 01 trang./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT
B DUY TIÊN**



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thành Công

PHÒNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC

ngô
Ngô Khắc Vũ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
BÙI VĂN KHIẾT**